

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2023

V/v ý kiến quy hoạch lâm nghiệp đối
với khu vực Cải tạo đất sản xuất kém
hiệu quả thôn Xuân An, xã Cát
Tường, huyện Phù Cát

Kính gửi: Phòng Quản lý xây dựng công trình

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kèm theo văn bản số 1561/UBND - NN ngày 03/8/2023 của UBND huyện Phù Cát về việc cho ý kiến các nội dung liên quan đến phương án Cải tạo đất sản xuất kém hiệu quả thôn Xuân An, xã Cát Tường, huyện Phù Cát.

Trên cơ sở văn bản đề nghị của Phòng Quản lý xây dựng công trình kèm theo tọa độ khu vực cải tạo đất và căn cứ các tài liệu có liên quan, Chi cục Kiểm lâm có ý kiến cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích

a) Vị trí: Khu vực đề nghị cải tạo thuộc khoảnh 7, tiểu khu 253, xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

b) Diện tích: 2,85 ha, bao gồm 02 khu vực

- Khu vực 1: 2,48 ha;

- Khu vực 2: 0,37 ha.

c) Ranh giới: Phạm vi ranh giới 02 khu vực được giới hạn bởi các điểm tọa độ hệ VN.2000, múi chiếu 3 độ như sau:

(Chi tiết có phụ lục tọa độ 02 khu vực kèm theo)

2. Về quy hoạch 3 loại rừng

Theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 và các Quyết định số: 2937/QĐ-UBND ngày 24/8/2015, số 358/QĐ-UBND ngày 04/8/2010, số 110/QĐ-UBND ngày 28/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, thì diện tích 2,85 ha khu vực nêu trên thuộc đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

3. Về chuyển mục đích sử dụng rừng

Vì diện tích 2,85 ha khu vực nêu trên thuộc đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp nên không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện việc Cải tạo đất sản xuất kém hiệu quả trên diện tích 2,85ha nêu trên.

Chi cục Kiểm lâm có ý kiến đề Phòng Quản lý xây dựng công trình biết và thực hiện đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN và PTNT (báo cáo);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Lê Đức Sáu

PHỤ LỤC TỌA ĐỘ 2 KHU VỰC

(Kèm theo văn bản số /CCKL-SDPTR ngày /8/2023 của Chi cục Kiểm lâm)

1. Tọa độ các điểm ranh giới khu vực 1

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1547086,67	593546,90	19	1547066,15	593373,35
2	1547056,80	593513,11	20	1547122,06	593364,33
3	1547027,36	593427,28	21	1547133,75	593373,40
4	1547017,67	593413,74	22	1547169,78	593406,74
5	1547014,67	593404,41	23	1547164,97	593413,98
6	1547014,66	593400,28	24	1547164,24	593428,90
7	1547001,26	593396,45	25	1547170,89	593442,33
8	1546980,75	593368,37	26	1547170,49	593453,30
9	1546990,94	593358,80	27	1547166,98	593465,79
10	1547000,11	593347,42	28	1547168,56	593479,81
11	1547011,19	593358,68	29	1547157,67	593525,25
12	1547015,70	593361,81	30	1547159,59	593531,71
13	1547020,81	593352,59	31	1547170,79	593542,72
14	1547016,47	593331,66	32	1547159,61	593542,37
15	1547014,27	593326,34	33	1547143,13	593545,64
16	1547021,35	593307,05	34	1547108,75	593540,69
17	1547039,38	593324,64	35	1547108,14	593545,72
18	1547056,07	593329,99	1	1547086,67	593546,90

2. Tọa độ các điểm góc ranh giới khu vực 2

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
R1	1547115,979	593629,8986	R7	1547127,349	593563,8286
R2	1547122,787	593629,3988	R8	1547109,759	593564,9786
R3	1547139,768	593614,2776	R9	1547087,659	593568,1286
R4	1547156,408	593570,5276	R10	1547083,979	593616,8986
R5	1547161,227	593563,8688	R11	1547100,029	593626,7686
R6	1547142,529	593565,2286	R1	1547115,979	593629,8986